TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024

"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần;**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024; về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị S: Kim Thị Đa N, sinh năm 1991 theo văn bản ủy quyền ngày 26-01-2024 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện TC, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn:

Ông Thạch S1, sinh năm 1984 (vắng mặt không có lý do).

Bà Sơn Thị Sản X, sinh năm 1986 (vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện TC, tỉnh Trà Vinh

3. Người phiên dịch : Ông Thạch Thia R là cán bộ hưu trí.

4. Người hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Đặng Hoàng V- Phó Bí Thư xã đoàn xã H, huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 20-12-2023 trong quá trình giải quyết người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Kim Thị Đa N trình bày:

Bà Lâm Thị S có tham gia góp hụi do bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 làm chủ hụi rất nhiều dây, cụ thể bà S tham gia vào dây hụi số 13 loại hụi 3.000.000 đồng khui ngày 07-02-2020 (dương lịch), chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, nữa tháng khui 01 lần, trong dây hụi này bà S tham gia 01 phần (tên trong dây hụi là S2) và đóng được 07 lần hụi sống, tổng cộng là 6.560.000 đồng, đến lần khui thứ 8 bà Sản X và ông S1 úp hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào. Do bà Sản X và ông S1 là vợ chồng, bà Sản X làm hụi và úp hụi trong thời kỳ hôn nhân với ông S1.

Nay bà S yêu cầu bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 trả số tiền hụi cho bà S số tiền đã đóng hụi sống là 6.560.000 đồng của dây hụi nói trên. Bà S không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 01-4-2024 và ngày 28-6-2024 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm

Thị S. Buộc bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 trả tiền hụi sống mà bà Lâm Thị S đã đóng tổng cộng 6.560.000 đồng. Buộc bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà Lâm Thị S khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Đồng thời bị đơn bà Sơn Thị Sản X và ông T SaRene cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà Sản X và ông S1.

- *Về nội dung*:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Bà Lâm Thị S yêu cầu bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 trả tiền hụi mà ông đã đóng tổng cộng bằng 6.560.000 đồng (loại hụi 3.000.000 đồng). Bà không yêu cầu tính lãi.

Xét hợp đồng góp hụi giữa bà S với bà Sản X và ông S1 là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà Sản X và ông S1 làm chủ hụi của rất nhiều dây hụi, loại hụi khác nhau trong đó có các dây hụi số 13 loại 3.000.000 đồng, mở ngày 07-02-2020 dương lịch. Sau khi úp hụi đáng lẽ bà Sản X và ông S1 phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi sống cho các hụi viên đã tham gia góp hụi, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên khi có yêu cầu, nên bà Sản X và ông S1 đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà S nên bà S khởi kiện bà Sản X và ông S1 là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định số 184/2024/QĐ-CCTLCC ngày 12-3-2024 yêu cầu bà Sản X và ông S1 cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông, bà đối với đơn khởi kiện của bà S và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Đồng thời gửi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hụi viên do bà S nộp để yêu cầu bà Sản X và ông S1 đối chiếu danh sách hụi viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hụi sống cho bà Sản X và ông S1 để ông, bà có thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng (bút lục 21). Quyết định trên được tống đạt hợp lệ cho bà Sản X và ông S1 nhưng đến hôm nay bà Sản X và ông S1 vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến các dây hụi mà bà S khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn bà S cung cấp được danh sách hụi viên của dây hụi (bút lục 03). Ngoài ra bà S còn giao nộp cho Tòa án các xác nhận của hụi viên cùng tham gia các dây hụi nói trên thể hiện bà S có tham gia và chưa hốt hụi (bút lục 05-06). Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà S có chơi hụi như bà trình bày là có thật, số tiền đóng hụi sống đã được nêu trong công văn tống đạt cho bà Sản X và ông S1 nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Thời gian mở hụi bà Sản X và ông S1 là vợ chồng, cùng sinh hoạt gia đình cùng lao động. Ông S1 cũng không phản đối bà Sản X làm chủ hụi. Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nghĩa vụ trả nợ hụi cho các hụi viên là nghĩa vụ chung của vợ chồng bà Sản X và ông S1. Do đó yêu cầu của bà S về việc buộc bà Sản X và ông S1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 6.560.000 đồng (dây hụi số 13 loại 3.000.000 đồng, mở ngày 07-02-2020 dương lịch) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S; Buộc bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 6.560.000 đồng.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Lâm Thị S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị S.

2. Buộc bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 trả cho bà Lâm Thị S số tiền hụi sống đã đóng là 6.560.000 đồng (Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) dây hụi số 13 loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 07-02-2020 dương lịch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Sơn Thị Sản X và ông Thạch S1 phải chịu 328.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lâm Thị S không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000339 ngày 18-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Trà Vinh cho bà Lâm Thị S.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền